

## **Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch dự kiến thu học phí tới 81 triệu đồng/năm**

19:34 25/02/2026

Năm học 2026 - 2027, Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch dự kiến áp dụng mức học phí từ 41 đến 81 triệu đồng/năm, tăng đáng kể so với khóa tuyển sinh năm trước, trong đó ngành Y khoa và Răng Hàm Mặt có mức cao nhất.

Theo thông báo chiều 25/2, Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch cho biết học phí áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2026 (năm học 2026 - 2027) dao động trong khoảng từ 41 đến 81 triệu đồng mỗi năm học.



Cụ thể, hai ngành Y khoa và Răng Hàm Mặt có mức học phí cao nhất, lên tới 81 triệu đồng/năm. Nhóm ngành Dược học và Y học cổ truyền dự kiến thu 68 triệu đồng/năm. Các ngành còn lại áp dụng mức 47 triệu đồng/năm.

Nhà trường cho biết, lộ trình điều chỉnh học phí các năm tiếp theo tối đa không quá 10% mỗi năm.

So với khóa tuyển sinh năm 2025, mức học phí này tăng khá mạnh. Năm ngoái, học phí của trường chỉ dao động trong khoảng 41,8 - 55,2 triệu đồng/năm học.

Về chỉ tiêu tuyển sinh, năm học 2026 - 2027, trường dự kiến tuyển 2.155 sinh viên, tăng 235 chỉ tiêu so với năm trước. Trong đó, ngành mở mới là Kỹ thuật gây mê hồi sức với 50 chỉ tiêu.

Bên cạnh đó, ngành Y khoa sẽ triển khai thêm chương trình tăng cường tiếng Anh, còn ngành Điều dưỡng bổ sung chuyên ngành Cấp cứu ngoài bệnh viện.

Năm 2026, trường áp dụng hai phương thức tuyển sinh gồm: Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT (PT1) và xét tuyển thẳng (PT2).

Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT, nhà trường yêu cầu tổ hợp xét tuyển bắt buộc phải có môn Toán, xét theo thang điểm 30 và không áp dụng chênh lệch điểm giữa các tổ hợp.

Với những ngành có sử dụng tổ hợp xét tuyển gồm môn Tiếng Anh, thí sinh phải có điểm thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh trong năm 2026. Trường không thực hiện quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ sang điểm xét tuyển, đồng thời cũng không áp dụng điểm thưởng trong kỳ tuyển sinh năm nay.

| STT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Mã ngành, nhóm ngành | Tên ngành, nhóm ngành | Chỉ tiêu   | Phương thức tuyển sinh                                                       | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------------------------------------|----------------------|-----------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | 7720101      | Y khoa                                        | 772                  | Y khoa                | <b>830</b> | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00)<br>Phương thức 2: 301                |         |
| 2   | 7720115      | Y học cổ truyền                               | 772                  | Y học cổ truyền       | <b>100</b> | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00; B08; A01; D01)<br>Phương thức 2: 301 |         |

|    |         |                             |     |                             |            |                                                                            |  |
|----|---------|-----------------------------|-----|-----------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------|--|
| 3  | 7720201 | Dược học                    | 772 | Dược học                    | <b>200</b> | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00;<br>A00; D07)<br>Phương thức 2: 301 |  |
| 4  | 7720301 | Điều dưỡng                  | 772 | Điều dưỡng                  | <b>400</b> | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00;<br>B03; B08)<br>Phương thức 2: 301 |  |
| 5  | 7720302 | Hộ sinh                     | 772 | Hộ sinh                     | <b>40</b>  | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00;<br>B03; B08)<br>Phương thức 2: 301 |  |
| 6  | 7720401 | Dinh dưỡng                  | 772 | Dinh dưỡng                  | <b>80</b>  | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00;<br>A00)<br>Phương thức 2: 301      |  |
| 7  | 7720501 | Răng Hàm Mặt                | 772 | Răng Hàm Mặt                | <b>115</b> | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00)<br>Phương thức 2: 301              |  |
| 8  | 7720601 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | 772 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | <b>60</b>  | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00)<br>Phương thức 2: 301              |  |
| 9  | 7720602 | Kỹ thuật hình ảnh y học     | 772 | Kỹ thuật hình ảnh y học     | <b>60</b>  | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00;<br>A00)<br>Phương thức 2: 301      |  |
| 10 | 7720603 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | 772 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | <b>50</b>  | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00;<br>A00; A01)<br>Phương thức 2: 301 |  |

|                  |         |                               |     |                               |             |                                                                                 |  |
|------------------|---------|-------------------------------|-----|-------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------|--|
| 11               | 7720610 | Kỹ thuật<br>Gây mê<br>hồi sức | 772 | Kỹ thuật<br>Gây mê<br>hồi sức | <b>50</b>   | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00;<br>B03; B08)<br>Phương thức 2: 301      |  |
| 12               | 7720699 | Khúc xạ<br>nhãn khoa          | 772 | Khúc xạ<br>nhãn<br>khoa       | <b>70</b>   | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00;<br>A00; A01; D07)<br>Phương thức 2: 301 |  |
| 13               | 7720701 | Y tế công<br>cộng             | 772 | Y tế công<br>cộng             | <b>100</b>  | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00;<br>B03; B08; A00)<br>Phương thức 2: 301 |  |
| <b>Tổng cộng</b> |         |                               |     |                               | <b>2155</b> |                                                                                 |  |

Chỉ tiêu, phương thức, tổ hợp xét tuyển của từng ngành cụ thể Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Trước đó, ở kỳ tuyển sinh năm 2025, điểm chuẩn của trường dao động từ 18 đến 25,55 điểm. Trong đó, ngành Y khoa có mức điểm chuẩn cao nhất là 25,55 điểm, tiếp đến là ngành Răng Hàm Mặt với 25,26 điểm.

**PV** (t/h)